UBND TỈNH ĐỒNG NAI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN KHU VỰC 11

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tân Phú, ngày tháng năm 2025

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (Đợt 1)
Dự án xây dựng đường cao tốc Dầu Giây – Tân Phú (gia đoạn 1)
Theo hình thức PPP, đoạn qua xã Phú Hoà, tỉnh Đồng Nai.
(Niêm yết công khai phương án lấy ý kiến hộ dân)

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Pháp lý chung:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai Ban hành quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư với cơ quan chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Pháp lý dự án:

- Căn cứ Quyết định số 1045/QĐ-TTg ngày 06/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Đường cao tốc Dầu Giây – Tân Phú (giai đoạn 1) theo phương thức PPP;

- Căn cứ Quyết định số 954/QĐ-BGTVT ngày 30/7/2024 của Bộ Giao thông Vận tải về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Dầu Giây – Tân Phú (giai đoạn 1) theo phương thức PPP.

- Căn cứ Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Căn cứ Văn bản số 280/BQLDATL-ĐHDA2 ngày 12/02/2025 của Ban Quản lý Dự án Thăng Long (Bộ Giao thông Vận tải) về việc đề nghị tách tiểu dự án thành phần GPMB, Dự án đầu tư xây dựng Đường cao tốc Dầu Giây – Tân Phú (giai đoạn 1) theo phương thức PPP cho các huyện làm chủ đầu tư;

- Căn cứ Văn bản số 3125/UBND-KTNS ngày 13/8/225 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án đường cao tốc Dầu Giây – Tân Phú.

- Văn bản số 690/UBND-KT ngày 11/3/2025 của UBND huyện Tân Phú về việc thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Dầu Giây – Tân Phú (giai đoạn 1) theo phương thức PPP.

- Kế hoạch thu hồi đất số 313/KH-BQLDAKV11 ngày 26/9/2025 của Ban Quản lý dự án khu vực 11 về dự án dầu tư xây dựng đường cao tốc Dầu Giây - Tân Phú (giai đoạn 1) theo phương thức PPP (đoạn qua xã Phú Hòa).

II. GIÁ VÀ CÁC CHÍNH SÁCH BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

1. Bồi thường về đất:

- Căn cứ Quyết định số 86/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 ban hành quy định về điều chỉnh, bổ sung bảng một số điều của quy định về điều chỉnh bổ sung bảng giá đất giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020-2024. Ban hành kèm theo quyết định số 56/2022/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 cảu UBND tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ Phiếu xác định vị trí thửa đất các thửa đất thu hồi thuộc dự án do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai- Chi nhánh Định Quán thực hiện.

- Căn cứ Văn bản số 258/PKT-ĐĐ ngày 04/12/2025 của phòng Kinh tế xã Phú Hoà về việc chuyển phương án giá đất để tính tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Dầu Giây – Tân Phú (giai đoạn 1) đoạn qua địa bàn xã Phú Hoà, tỉnh Đồng Nai.

STT	Mục đích sử dụng đất	Tên đường - Khu vực	Theo Quyết định 56/2022/QĐ-UBND và 86/2024/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai		Giá đất đề xuất *(đồng/m²)*	Hệ số điều chỉnh giá đất
			Vị trí	Giá đất *(đồng/m²)*		
1	LUK, LUC	Đường nhóm 1 - huyện Định Quán	Vị trí 3	60.000	233.000	3,8859
2			Vị trí 4	50.000	194.000	3,8859
3	BHK, LUK, LUC	Đường nhóm 2 - huyện Tân Phú	Vị trí 2	50.000	181.000	3,6204
4			Vị trí 3	40.000	145.000	3,6204
5			Vị trí 4	30.000	125.000	4,1765
6	NTS		Vị trí 4	25.000	104.000	4,1765

STT	Mục đích sử dụng đất	Tên đường - Khu vực	Theo Quyết định 56/2022/QĐ-UBND và 86/2024/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai		Giá đất đề xuất *(đồng/m²)*	Hệ số điều chỉnh giá đất
			Vị trí	Giá đất *(đồng/m²)*		
7	RSX		Vị trí 4	25.000	104.000	4,1765

2.Nhà vật kiến trúc:

Căn cứ quyết định số 74/2024/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Đồng Nai Ban hành về việc Bổ sung Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, công trình xây dựng đê làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ quyết định số 59/2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh Đồng Nai Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước cho người đang thuê trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

STT	HẠNG	CẤP I	CẤP II	CẤP III	CẤP IV	DƯỚI CẤP IV
1	H1	9.445.000	7.760.000	7.107.000	4.363.000	2.059.000
2	H2	8.501.000	6.983.000	6.396.000	3.925.000	1.854.000
3	H3	7.556.000	5.208.000	5.685.000	3.489.000	1.647000
4	H4	6.612.000	5.432.000	4.975.000	3.054.000	

- Căn cứ Điều 19 Quyết định số Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy định về bồi thường, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Nhà ở, công trình xây dựng có phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng nhưng xây dựng trên đất có đủ điều kiện được bồi thường về đất thì được hỗ trợ như sau:

Xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2014: được hỗ trợ 100% giá trị bồi thường theo đơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Xây dựng từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 đến trước ngày thông báo thu hồi đất và không bị lập Biên bản vi phạm hành chính: được hỗ trợ 100% giá trị bồi thường theo đơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành (nếu xây dựng đúng mục đích sử dụng đất); được hỗ trợ 80% giá trị bồi thường theo đơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành (nếu xây dựng không đúng với mục đích sử dụng đất). b) Nhà ở, công trình xây dựng không có phép xây dựng và xây dựng trên đất có đủ điều kiện được bồi thường về đất thì được hỗ trợ như sau:

Xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2014: được hỗ trợ 80% giá trị bồi thường theo đơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Xây dựng từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 đến trước ngày thông báo thu hồi đất và không bị lập Biên bản vi phạm hành chính: được hỗ trợ 60% giá trị bồi thường theo đơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Đối với 1 số loại tài sản không có đơn giá quy định tại Quyết định số 74/2024/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Đồng Nai Ban hành về việc Bổ sung Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tân Phú căn cứ vào Thông báo giá Công bố giá Vật liệu xây dựng do Sở Tài Chính và Sở Xây dựng công bố hàng tháng để tính toán áp giá bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

3. Bồi thường cây trồng:

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Giá trị cây trồng được tính theo số cây (hoặc diện tích) bị thiệt hại được đo đạc , kiểm kê theo quy định nhân (x) với đơn giá tại quy định (số lượng cây tính theo mật độ cây trồng được quy định theo quyết định).

- Đối với các loại cây trồng được trồng trên đất lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất mà không đúng theo mục đích sử dụng đất nêu trên và được trồng trước khi thông báo thực hiện công trình, dự án hoặc thông báo thu hồi thu hồi đất thì được hỗ trợ 80% đơn giá bồi thường do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

4. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống:

- Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Căn cứ Điều 13 Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 điều 109 Luật Đất đai 2024, khi nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không có đất để bồi thường và được bồi thường bằng tiền thì được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiến việc làm bằng tiền, với mức hỗ trợ bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương quy định tại điều 176 Luật Đất đai năm 2024.

- Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 điều 109 Luật Đất đai 2024, khi nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiến việc làm bằng tiền, với mức hỗ trợ bằng 0,5 lần giá đất

nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương quy định tại điều 176 Luật Đất đai năm 2024.

- Hỗ trợ ổn định đời sống:

Căn cứ Điều 10 Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu quy định tại khoản này được tính bằng tiền tương đương 30kg gạo trong 01 tháng theo thời giá trung bình tại thời điểm hỗ trợ của địa phương. Đơn giá hỗ trợ 1 kg gạo là 17.666 đồng/kg.

5. Bồi thường chi phí di dời mồ mả:

Căn cứ Quyết định số 62/202024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy định về bồi thường chi phí di chuyển tài sản; bồi thường, hỗ trợ chi phí di dời mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ điều 5 Quyết định số 62/202024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 việc bồi thường, hỗ trợ chi phí di dời mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP được thực hiện như sau:

1. Mức bồi thường, hỗ trợ chi phí di dời, xây dựng mới mồ mả trong trường hợp di dời mồ mả đến vị trí mới trong nghĩa trang theo quy hoạch của tỉnh Đồng Nai:

a) Mộ xây ốp đá hoa cương: 36.700.000 đồng/mộ.

b) Mộ xây ốp gạch ceramic: 21.200.000 đồng/mộ.

c) Mộ đất: 12.000.000 đồng/mộ.

d) Mộ đá ong hoặc mộ xây đơn giản: 20.000.000 đồng/mộ.

đ) Miếu thờ dọc đường, bàn thiên: 950.000 đồng/cái.

2. Mức bồi thường, hỗ trợ chi phí di dời, xây dựng mới mồ mả trong trường hợp tự thu xếp việc di chuyển mồ mả ngoài khu vực được bố trí trong nghĩa trang theo quy hoạch của tỉnh Đồng Nai:

a) Mộ xây ốp đá hoa cương: 31.700.000 đồng/mộ.

b) Mộ xây ốp gạch ceramic: 16.200.000 đồng/mộ.

c) Mộ đất: 8.000.000 đồng/mộ.

d) Mộ đá ong hoặc mộ xây đơn giản: 15.850.000 đồng/mộ.

đ) Miếu thờ dọc đường, bàn thiên: 950.000 đồng/cái.

3. Mức bồi thường, hỗ trợ chi phí đào, bốc mồ mả và các chi phí khác có liên quan trực tiếp để di dời mồ mả đến vị trí mới: 10.000.000 đồng/mộ.

Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Dầu Giây – Tân Phú (giai đoạn 1) đoạn qua địa bàn xã Phú Hoà không có mồ mả trong phạm vi thu hồi đất thuộc dự án nên không phải bồi thường, hỗ trợ chi phí di dời.

6. Bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thuỷ sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển khi nhà nước thu hồi đất:

Căn cứ quyết định số 31/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai Ban hành quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thuỷ sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

7. Hỗ trợ các loại:

Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Tại khoản 4, điều 15 Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND quy định: Người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn theo thông báo của đơn vị, tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì được thưởng di dời với mức thưởng như sau:

Số tiền bồi thường, hỗ trợ	Mức thưởng
- Dưới 20 triệu đồng	2.000.000 đồng
- Từ 20 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng	4.000.000 đồng
- Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	8.000.000 đồng
- Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	12.000.000 đồng
- Từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng	16.000.000 đồng
- Từ 500 triệu đồng trở lên	20.000.000 đồng

III. PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ:

Dự án đường cao tốc Dầu Giây – Tân Phú (giai đoạn 1) theo phương thức PPP đoạn qua xã Phú Hoà, tỉnh Đồng Nai chủ yếu là thu hồi đất sản xuất nông nghiệp của các hộ gia đình cá nhân, không thu hồi đất ở, các hộ gia đình cá nhân không phải di chuyển chỗ ở nên không phải bố trí tái định cư.

IV. TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (đợt 1):

Ban quản lý dự án khu vực 11 lập Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Dầu Giây – Tân Phú (giai đoạn 1) theo phương thức PPP đoạn qua địa bàn xã Phú Hoà, tỉnh Đồng Nai (đợt 1), với nội dung sau:

1. Tổng diện tích thu hồi: 153.363,8 m² **đất,**

Trong đó:

- Đất trồng lúa còn lại: 26.984,8 m².
- Đất trồng cây hàng năm khác: 1.157 m².
- Đất chuyên trồng lúa: 125.222,0 m².

2. Tổng số người có đất thu hồi: 72 trường hợp, Trong đó:

- Tổ chức: 0 trường hợp.
- Hộ gia đình, cá nhân: 72 trường hợp.

3. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 29.925.065.291 đồng

(Số tiền bằng chữ: Hai mươi chín tỷ, chín trăm hai mươi lăm triệu, không trăm sáu mươi lăm ngàn, hai trăm chín mươi mốt đồng), Trong đó:

- Giá trị bồi thường về đất:	22.591.555.000đồng
- Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng:	568.742.291đồng

- Giá trị hỗ trợ về chính sách:	5.766.768.000 đồng
- Thưởng di dời:	998.000.000 đồng

(Đính kèm bảng tổng hợp chi tiết)

4. Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Việc tổ chức thực hiện Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Dầu Giây – Tân Phú (giai đoạn 1) đoạn qua địa bàn xã Phú Hoà, tỉnh Đồng Nai sau khi được UBND xã Phú hoà phê duyệt được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 87 Luật Đất đai.

Triển khai công tác chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định tại Điều 94 Luật Đất đai và Điều 25 Nghị định 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

5. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản:

Kèm theo biểu tổng hợp và Phương án chi tiết của 72 hộ dân.

Thời gian niêm yết công khai là 30 ngày từ ngày niêm yết, trường hợp hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ đã niêm yết, đồng ý Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 2 Điều 85 Luật Đất đai 2024 thì thực hiện thu hồi đất không cần chờ hết thời gian niêm yết.

Trên đây là Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Dầu Giây – Tân Phú (giai đoạn 1) theo phương thức PPP đoạn qua xã Phú Hoà, tỉnh Đồng Nai.

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN KHU VỰC 11

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đồng Nai, ngày tháng năm

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN (ĐỢT Đợt 1)

Dự án: Đầu tư xây dựng đường cao tốc Dầu Giây - Tân Phú (giai đoạn 1) đoạn qua xã Phú Hòa, tỉnh Đồng Nai
Địa chỉ: xã Phú Hòa

Số TT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất (m²)					Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng (đ)	Hỗ trợ các loại				Thưởng di dời	Tổng cộng
			Tổng số	DT đất Nông nghiệp						Tổng	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất	Hỗ trợ khác		
				Tổng	Đất trồng lúa còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất chuyên trồng lúa								
1	Ông Đào Văn Thái - Bà Lâm Thị Tuyến	Ấp Phú Điền 5, xã Phú Hòa	1142.9	**1142.9**	-	-	1142.9	142,862,500	4,234,445	**54,610,380**	51,430,500	3,179,880	-	16,000,000	**217,707,325**
2	Ông Cao Hữu Tiến và bà Nguyễn Thị Phi	Ấp Phú Điền 4, xã Phú Hòa	432.9	**432.9**	-	-	432.9	54,112,500	1,603,895	-	-	-	-	8,000,000	**63,716,395**
3	Nguyễn Văn Lăng	Ấp Phú Điền 4, xã Phú Hòa	360.8	**360.8**	-	-	360.8	45,100,000	1,336,764	-	-	-	-	4,000,000	**50,436,764**
4	Ông Nguyễn Văn Linh và bà Trần Thị Nữ	Ấp Phú Điền 3, xã Phú Hòa	3403.7	**3403.7**	-	-	3403.7	425,462,500	12,610,709	**156,346,380**	153,166,500	3,179,880	-	20,000,000	**614,419,589**
5	Ông Đỗ Đình Lưu và bà Dương Thị Tuyến	Ấp Phú Điền 1, xã Phú Hòa	1875.5	**1875.5**	-	-	1875.5	234,437,500	6,948,728	**87,577,380**	84,397,500	3,179,880	-	16,000,000	**344,963,608**
6	Ông Nguyễn Ngọc Vĩnh Thành và bà Trần Thị Thủy	Ấp Phú Điền 3, xã Phú Hòa	1322.8	**1322.8**	-	-	1322.8	165,350,000	4,900,974	**62,705,880**	59,526,000	3,179,880	-	16,000,000	**248,956,854**
7	Ông Nguyễn Văn Lương và bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Ấp Phú Điền 3, xã Phú Hòa	1951.4	**1951.4**	-	-	1951.4	243,925,000	7,229,937	**90,992,880**	87,813,000	3,179,880	-	16,000,000	**358,147,817**
8	Ông Tạ Xuân Hòa và bà Phạm Thị Hương	Ấp Phú Điền 3, xã Phú Hòa	2439.4	**2439.4**	-	-	2439.4	304,925,000	9,037,977	**116,132,760**	109,773,000	6,359,760	-	16,000,000	**446,095,737**
9	Ông Nguyễn Tiến Hiệp	Ấp Phú Điền 3, xã Phú Hòa	1939.2	**1939.2**	-	-	1939.2	242,400,000	7,184,736	**88,853,940**	87,264,000	1,589,940	-	16,000,000	**354,438,676**

10	Ông Trần Văn Tới và bà Đào Thị Giang	Ấp Phú Điền 4, xã Phú Hòa	237.9	**237.9**	-	-	237.9	29,737,500	881,420	**13,885,380**	10,705,500	3,179,880	-	4,000,000	**48,504,300**
11	Ông Trần Văn Liêm và bà Lê Thị Mỹ Hạnh	Ấp Phú Điền 3, xã Phú Hòa	27.3	**27.3**	-	-	27.3	3,412,500	101,146	**4,408,380**	1,228,500	3,179,880	-	2,000,000	**9,922,026**
12	Bà Đào Thị Cúc	Ấp Phú Điền 4, xã Phú Hòa	1792.4	**1792.4**	-	-	1792.4	224,050,000	6,640,842	**82,247,940**	80,658,000	1,589,940	-	16,000,000	**328,938,782**
13	Ông Phạm Văn Thanh và bà Mai Hồng Tâm	Ấp Phú Điền 3, xã Phú Hòa	2,756	**2,756**	-	-	2,756	498,836,000	10,210,980	**213,059,760**	206,700,000	6,359,760	-	20,000,000	**742,106,740**
14	Ông Hồ Thanh Phúc và bà Phạm Thị Ngân	Ấp Phú Điền 4, xã Phú Hòa	1250.7	**1250.7**	-	-	1250.7	226,068,700	4,633,843	**96,817,380**	93,637,500	3,179,880	-	16,000,000	**343,519,923**
15	Bà Phan Thị Kim Thanh	Ấp Phú Lợi 4, xã Phú Hòa	184.6	**184.6**	-	-	184.6	23,075,000	683,943	**9,896,940**	8,307,000	1,589,940	-	4,000,000	**37,655,883**
16	Bà Võ Thị Tuyết	Ấp 4, Xuân Thái Sơn, Hóc Môn, TP.HCM	2197.9	**2197.9**	-	-	2197.9	274,737,500	8,143,220	**1,589,940**	-	1,589,940	-	16,000,000	**300,470,660**
17	Ông Nguyễn Minh Phú	Ấp Phú Điền 4, xã Phú Hòa	149.8	**149.8**	-	-	149.8	21,721,000	555,009	**10,577,940**	8,988,000	1,589,940	-	4,000,000	**36,853,949**
18	Ông Đới Duy Thọ và bà Nguyễn Thị Hiền	Ấp Phú Điền 4, xã Phú Hòa	552.7	**552.7**	-	-	552.7	80,141,500	2,047,754	**36,341,880**	33,162,000	3,179,880	-	12,000,000	**130,531,134**
19	Ông Trần Văn Hồng và bà Trương Thị Ba	Ấp Trà Cổ 13, xã Tân Phú	112.5	**112.5**	-	-	112.5	14,062,500	416,813	**3,179,880**	-	3,179,880	-	2,000,000	**19,659,193**
20	Ông Nguyễn Công Hòa và bà Vũ Thị Hương	Ấp Phú Hòa 3, xã Phú Hòa	1552.2	**1552.2**	-	-	1552.2	194,025,000	5,750,901	**73,028,880**	69,849,000	3,179,880	-	16,000,000	**288,804,781**
21	Ông Tiêu Hoàng Vũ và bà Phạm Thị Ngoan	Ấp Phú Điền 4, xã Phú Hòa	54.1	**54.1**	-	-	54.1	6,762,500	200,441	**5,614,380**	2,434,500	3,179,880	-	2,000,000	**14,577,321**
22	Ông Đào Tây và bà Trần Thị Thiên Lý	Ấp Phú Điền 4, xã Phú Hòa	151.1	**151.1**	-	-	151.1	18,887,500	559,826	**9,979,380**	6,799,500	3,179,880	-	4,000,000	**33,426,706**
23	Trương Thị Thí	Ấp Phú Điền 5, xã Phú Hòa	533.4	**533.4**	-	-	533.4	66,675,000	1,976,247	**25,592,940**	24,003,000	1,589,940	-	8,000,000	**102,244,187**

24	Ông Nguyễn Văn Thuận và bà Tăng Thị Thanh Thúy cùng sử dụng đất với ông Nguyễn Văn Ga và bà Trần Thị An	Ấp Phú Hòa 1, xã Phú Hòa	2483.4	**2483.4**	-	-	2483.4	310,425,000	9,200,997	**114,932,880**	111,753,000	3,179,880	-	16,000,000	**450,558,877**
25	Ông Trần Ngọc Nam và bà Nguyễn Thị Kim Ánh	Ấp Phú Điền 5, xã Phú Hòa	6458.4	**6458.4**	-	-	6458.4	807,300,000	23,928,372	**296,987,760**	290,628,000	6,359,760	-	20,000,000	**1,148,216,132**
26	Ông Trần Hữu Phước và bà Nguyễn Thị Kim Thu	Ấp Phú Điền 4, xã Phú Hòa	4692.1	**4692.1**	238.9	-	4453.2	586,512,500	17,384,231	**217,504,260**	211,144,500	6,359,760	-	20,000,000	**841,400,991**
27	Ông Nguyễn Văn Lê và bà Hoàng Thị Thanh Nga	Ấp Phú Điền 5, xã Phú Hòa	2256.6	**2256.6**	95.6	-	2,161	437,780,400	8,360,703	**172,424,880**	169,245,000	3,179,880	-	20,000,000	**638,565,983**
28	Ông Vũ Hữu Bình và bà Phạm Thị Thu Hà	Ấp Phú Điền 5, xã Phú Hòa	3672.2	**3672.2**	1429.7	-	2242.5	712,406,800	13,605,501	**278,594,880**	275,415,000	3,179,880	-	20,000,000	**1,024,607,181**
29	Bà Vũ Thị Kim	Ấp Phú Điền 2, xã Phú Hòa	4262.4	**4262.4**	3215.6	-	1046.8	826,905,600	15,792,192	-	-	-	-	20,000,000	**862,697,792**
30	Ông Võ Hồng Đông	Ấp Phú Điền 5, xã Phú Hòa	1729.4	**1729.4**	-	-	1729.4	250,763,000	6,407,427	**105,353,940**	103,764,000	1,589,940	-	16,000,000	**378,524,367**
31	Ông Phạm Quang Hiến và bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Ấp Phú Hòa 3, xã Phú Hòa	2591.3	**2591.3**	323.6	-	2267.7	323,912,500	9,600,767	**119,788,380**	116,608,500	3,179,880	-	-	**453,301,647**
32	Ông Nguyễn Tiến Hoàng và bà Lê Thị Mỹ Hạnh	Ấp Phú Điền 2, xã Phú Hòa	2667.2	**2667.2**	-	-	2667.2	333,400,000	9,881,976	**123,203,880**	120,024,000	3,179,880	-	16,000,000	**482,485,856**
33	Ông Đỗ Văn Tâm và bà Trương Thị Tho	Ấp Phú Điền 5, xã Phú Hào	870.6	**870.6**	-	-	870.6	157,578,600	3,225,573	**68,474,880**	65,295,000	3,179,880	-	16,000,000	**245,279,053**
34	Ông Bùi Thanh Hồng và bà Phạm Thị Mây	Ấp Phú Điền 3, xã Phú Hòa	1,774	**1,774**	-	-	1,774	257,230,000	6,572,670	**112,799,760**	106,440,000	6,359,760	-	16,000,000	**392,602,430**

35	Ông Ngô Thế Nghĩa và bà Bùi Thị Thanh	Ấp Phú Điền 4, xã Phú Hòa	1640.1	**1640.1**	-	-	1640.1	205,012,500	6,076,571	**76,984,380**	73,804,500	3,179,880	-	16,000,000	**304,073,451**
36	Ông Trương Văn Thuận và bà Trương Thị The	Ấp Phú Hoà 4, xã Phú Hòa	482.9	**482.9**	-	-	482.9	60,362,500	1,789,145	**24,910,380**	21,730,500	3,179,880	-	8,000,000	**95,062,025**
37	Dương Thị Yến	Ấp Phú Hòa 3, xã Phú Hòa	2,276	**2,276**	-	-	2,276	284,500,000	8,432,580	**105,599,880**	102,420,000	3,179,880	-	16,000,000	**414,532,460**
38	Ông Nguyễn Huy Khôi và bà Ngô Thị Ngọc Xuân	Ấp Phú Điền 2, xã Phú Hòa	2596.7	**2596.7**	-	-	2596.7	324,587,500	9,620,774	-	-	-	-	16,000,000	**350,208,274**
39	Ông Nùng Kim Lân và bà Trần Thị Nhung	Ấp Phú Điền 5, xã Phú Hoà	1398.2	**1398.2**	-	-	1398.2	174,775,000	5,180,331	-	-	-	-	12,000,000	**191,955,331**
40	Ông Phạm Duy Hữu và bà Nguyễn Thị Bích Nhan	Ấp Phú Điền 4, xã Phú Hòa	587.2	**587.2**	-	-	587.2	73,400,000	2,175,576	**29,603,880**	26,424,000	3,179,880	-	12,000,000	**117,179,456**
41	Nguyễn Bá Thông	Ấp Phú Điền 5, xã Phú Hòa	1368.1	**1368.1**	-	-	1368.1	171,012,500	5,068,810	**63,154,440**	61,564,500	1,589,940	-	16,000,000	**255,235,750**
42	Ông Hoàng Văn Lợi và bà Phạm Thị Liền	Ấp Phú Điền 5, xã Phú Hòa	1222.4	**1222.4**	-	-	1222.4	152,800,000	4,528,992	**58,187,880**	55,008,000	3,179,880	-	16,000,000	**231,516,872**
43	Lê Thị Đoan Trang	Ấp Phú Điền 5, xã Phú Hòa	1,877	**1,877**	-	-	1,877	234,625,000	6,954,285	**86,054,940**	84,465,000	1,589,940	-	16,000,000	**343,634,225**
44	Ông Lê Văn Hưu và bà Nguyễn Thị Trò	Ấp Phú Điền 5, xã Phú Hòa	2,428	**2,428**	-	-	2,428	303,500,000	8,995,740	**115,619,760**	109,260,000	6,359,760	-	16,000,000	**444,115,500**
45	Ông Nguyễn Văn Thuận và bà Tăng Thị Thanh Thúy	Ấp Phú Điền 5, xã Phú Hòa	3,137	**3,137**	-	-	3,137	392,125,000	11,622,585	**144,344,880**	141,165,000	3,179,880	-	20,000,000	**568,092,465**
46	Ông Trần Thạnh và bà Nguyễn Thị Nam	Ấp Phú Điền 5, xã Phú Hòa	2490.9	**2490.9**	-	-	2490.9	311,362,500	9,228,785	**118,450,260**	112,090,500	6,359,760	-	16,000,000	**455,041,545**
47	Nguyễn Thành Trung	ấp Phú Điền 4, xã Phú Hòa	719.4	**719.4**	25.9	-	693.5	89,925,000	2,665,377	-	-	-	-	8,000,000	**100,590,377**
48	Nguyễn Ngọc Ân và Bà Ngô Thị Hồng Thúy	ấp Phú Điền 2, xã Phú Hòa	1654.2	**1654.2**	227.1	-	1427.1	206,775,000	6,128,811	**77,618,880**	74,439,000	3,179,880	-	16,000,000	**306,522,691**

49	Phan Xuân Trí - Đặng Thị Minh	ấp 5 Gia Canh, xã Phú Hòa	274.5	**274.5**	274.5	-	-	63,958,500	1,017,023	-	-	-	-	8,000,000	**72,975,523**
50	Ông Nguyễn Văn Nông và bà Huỳnh Thị Loan	Ấp Phú Điền 5, xã Phú Hòa	4362.8	**4362.8**	-	1,157	3205.8	545,350,000	16,164,545	**202,690,260**	196,330,500	6,359,760	-	20,000,000	**784,204,805**
51	Sơn Thơm - Đoàn Thúy Hằng	ấp Phú Điền 1, xã Phú Hòa	1,548	**1,548**	-	-	1,548	193,500,000	5,735,340	-	-	-	-	12,000,000	**211,235,340**
52	Ông Hoàng Văn Luận và bà Vũ Thị Bích	Ấp Phú Điền 5, xã Phú Hòa	4,897	**4,897**	-	-	4,897	612,125,000	18,143,385	**226,724,760**	220,365,000	6,359,760	-	20,000,000	**876,993,145**
53	Nguyễn Văn Thông và bà Trần Thị Tơ	ấp Phú Điền 5 xã Phú Hoà	4,444	**4,444**	4,444	-	-	862,136,000	16,465,020	**339,659,760**	333,300,000	6,359,760	-	20,000,000	**1,238,260,780**
54	Ông Đinh Viết Ngư và bà Nguyễn Thị Nhuyên	Ấp Phú Điền 5, xã Phú Hòa	3264.4	**3264.4**	1194.6	-	2069.8	633,293,600	12,094,602	**251,189,760**	244,830,000	6,359,760	-	20,000,000	**916,577,962**
55	Nguyễn Thị Phước	ấp Phú Điền 1, xã Phú Hòa	282.8	**282.8**	-	-	282.8	35,350,000	1,047,774	-	-	-	-	4,000,000	**40,397,774**
56	Nguyễn Thị Lệ	ấp Phú Điền 1, xã Phú Hòa	488.2	**488.2**	-	-	488.2	61,025,000	1,808,781	-	-	-	-	8,000,000	**70,833,781**
57	Võ Thanh Quốc	Thôn Phú Mỹ, xã Hoà Thịnh, tỉnh Đắk Lăkc (0357850852)	594.6	**594.6**	594.6	-	-	115,352,400	2,202,993	**1,589,940**	-	1,589,940	-	12,000,000	**131,145,333**
58	Võ Thị Tý	ấp Phú Điền 4, xã Phú Hòa	920.6	**920.6**	920.6	-	-	115,075,000	3,410,823	-	-	-	-	12,000,000	**130,485,823**
59	Hồ Văn Miền -Nguyễn Thị Phượng	ấp Phú Điền 3, xã Phú Hòa	1,085	**1,085**	1,085	-	-	210,490,000	4,019,925	-	-	-	-	16,000,000	**230,509,925**
60	Đặng Thị Mực	ấp Phú Điền 1, xã Phú Hòa	944	**944**	-	-	944	118,000,000	3,497,520	-	-	-	-	12,000,000	**133,497,520**
61	Trần Trung Dũng -Vũ Thị Hạt	ấp Phú Điền 1, xã Phú Hòa	2,027	**2,027**	-	-	2,027	253,375,000	7,510,035	-	-	-	-	16,000,000	**276,885,035**

62	Nguyễn Đắc Dũng và bà Phan Thị Thuỷ	Ấp 5 Gia Canh, xã Định Quán (0978061168)	17106.1	**17106.1**	11582.1	-	5,524	3,560,738,300	63,907,133	-	-	-	-	20,000,000	**3,644,645,433**
63	Mai Non - Nguyễn Thị Vân	ấp Phú Điền 2, xã Phú Hòa	298	**298**	-	-	298	37,250,000	1,104,090	-	-	-	-	4,000,000	**42,354,090**
64	Nguyễn Tấn Đạt	Ấp Phú Điền 4, xã Phú Hoà	3054.1	**3054.1**	-	-	3054.1	381,762,500	11,315,441	**140,614,380**	137,434,500	3,179,880	-	20,000,000	**553,692,321**
65	Thái Đình Hậu và bà Lê Thị Loan	ấp Gia Canh 10, xã Định Quán	2450.4	**2450.4**	-	-	2450.4	475,377,600	9,078,732	**3,179,880**	-	3,179,880	-	16,000,000	**503,636,212**
66	Hoàng Văn Sân và bà Nguyễn Thị Ngân	ấp Gia Canh 5, xã Định Quán	1,333	**1,333**	1,333	-	-	258,602,000	4,938,765	**3,179,880**	-	3,179,880	-	16,000,000	**282,720,645**
67	Lê Thị A	ấp Phú Điền 4 xã Phú Hoà (0365486975)	1938.3	**1938.3**	-	-	1938.3	242,287,500	7,181,402	-	-	-	-	16,000,000	**265,468,902**
68	Nguyễn Hoài Thương	ấp Phú Điền 4, xã Phú Hòa	2210.2	**2210.2**	-	-	2210.2	276,275,000	8,188,791	**102,638,880**	99,459,000	3,179,880	-	16,000,000	**403,102,671**
69	Nguyễn Văn Hoàng	ấp Phú Điền 4, xã Phú Hòa	1346.8	**1346.8**	-	-	1346.8	168,350,000	4,989,894	**62,195,940**	60,606,000	1,589,940	-	16,000,000	**251,535,834**
70	Trần Văn Tự và bà Đào Thị Mầu	ấp Phú Điền 5, xã Phú Hòa	1834.8	**1834.8**	-	-	1834.8	229,350,000	6,797,934	**85,745,880**	82,566,000	3,179,880	-	16,000,000	**337,893,814**
71	Nguyễn Thị Tuyết Mai	ấp Phú Hòa 3, xã Phú Hòa	8201.1	**8201.1**	-	-	8201.1	1,025,137,500	30,385,076	**369,049,500**	369,049,500	-	-	20,000,000	**1,444,572,076**
72	Nguyễn Thanh Minh và bà Đinh Thị Khuyên	ấp Phú Điền 3, xã Phú Hòa	4701.2	**4701.2**	-	-	4701.2	587,650,000	17,417,946	**224,273,520**	211,554,000	12,719,520	-	20,000,000	**849,341,466**
Tổng			**153363.8**	**153363.8**	**26984.8**	**1,157**	**125,222**	**22,591,555,000**	**568,742,291**	**5,766,768,000**	**5,568,025,500**	**198,742,500**	**-**	**998,000,000**	**29,925,065,291**
Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:															**29,925,065,291**

Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ, chín trăm hai mươi lăm triệu, không trăm sáu mươi lăm ngàn, hai trăm chín mươi mốt đồng